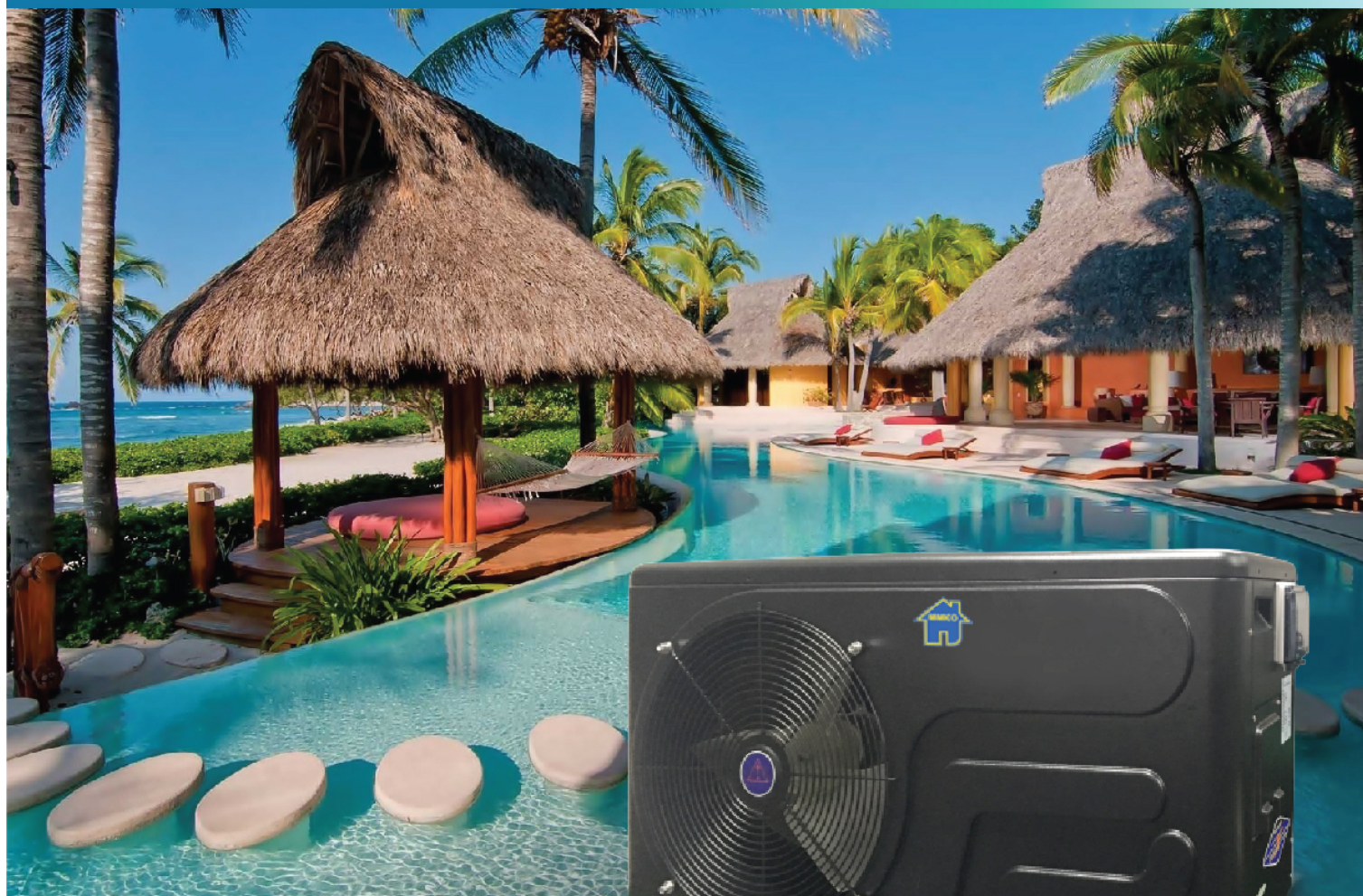




HEATPUMP BIẾN TẦN CHO BỂ BƠI

DC INVERTER SWIMMING POOL HEATPUMP



Chế độ làm việc thông minh
Smart operating mode

Công nghệ biến tần DC giúp tăng hiệu suất
và cho phép biến đổi tốc độ
*DC inverter technology performance efficiency
and enables variable speed*

Sử dụng môi chất lạnh R410A thân thiện với môi trường
Eco-friendly efficiency R410A refrigerant

Công nghệ cuộn kỹ thuật số
Digital scroll technology

Tiết kiệm hơn 10 lần so với heater
Electricity saving >10 times compared with heater

☎ 0906 631 316 - 0948 631 316



www.mimico.com.vn

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

TECHNICAL FEATURES

Mã hiệu sản phẩm/ Product model		MMC06-SAHP-DC	MMC09-SAHP-DC	MMC12-SAHP-DC	MMC16-SAHP-DC
Thể tích hồ bơi khuyên dùng (m³) (có mái che) Advised pool volume (m³) (with cover)		10-25	12-40	15-60	25-85
(*)	Công suất nhiệt (kW) Heating capacity (kW)	6.2-2.3	9.3-2.8	12.6-3.2	16.2-3.5
	Công suất nhiệt (BTU/h) Heating capacity (BTU/h)	21143-7843	31715-9548	42969-10913	55246-11936
	Công suất điện đầu vào (kW) Input power (kW)	1.09-0.17	1.59-0.21	1.59-0.21	2.65-0.26
	Hệ số hiệu quả năng lượng COP	13.5-5.69	13.3-5.85	13.3-6.24	13.5-6.11
(**)	Công suất nhiệt (kW) Heating capacity (kW)	4.8-2.5	6.9-2.3	9.5-2.5	11.8-2.7
	Công suất nhiệt (BTU/h) Heating capacity (BTU/h)	16369-8526	23531-7844	32397-8526	40241-9208
	Công suất điện đầu vào (kW) Input power (kW)	1.04-0.35	1.51-0.32	2.05-0.35	2.58-0.38
	Hệ số hiệu quả năng lượng COP	7.14-4.62	7.19-4.56	7.14-4.63	7.11-4.57
Dòng điện danh định (A) Rated current (A)		4.4	6.9	8.5	11.7
Dòng điện cầu chì tối thiểu (A) Minimum fuse current (A)		7	10	13	16
Lượng nước chảy khuyên dùng (m³/H) Advised water flux (m³/H)		2.5	2.8	3.7	4.6
Cấp bảo vệ IP IP Grade (Level of protection)		IPX4	IPX4	IPX4	IPX4
Cấp chống sốc điện Anti-electric shock rate		I	I	I	I
Độ ồn (dB(A)) (1m) Noise (dB(A)) (1m)		40-50	40-52	40-52	41-54
Kích thước sản phẩm (D*R*C) (mm) Body size (W*D*H)		1008 x 380 x 577			1050 x 440 x 709
Môi chất lạnh Refrigerant		R410A			
Nguồn điện Power supply		220V/1p/50Hz-60Hz			
Ngưng tụ Condenser		Nhựa titan/Titanium in PVC			
Đường kính ống (mm) Diameter of pipe (mm)		φ50	φ50	φ50	φ50
Kết cấu kim loại Metal plate		Vỏ nhựa ABS màu đen/ABS plastic casing black color			
Kích thước (D*R*C)(mm) Dimensions (W*D*H)		1008 x 380 x 577			1050 x 440 x 709
Trọng lượng (kg) Weight (kg)		54		68	78

Lưu ý:

(*): Điều kiện làm việc, Nhiệt độ nước đầu vào 26°C, nhiệt độ nước đầu ra 28°C, nhiệt độ bầu khô 26°C, độ ẩm 80%.

(**): Điều kiện làm việc, Nhiệt độ nước đầu vào 26°C, nhiệt độ nước đầu ra 28°C, nhiệt độ bầu khô 15°C, độ ẩm 70%.

Remarks:

(*): working condition, Inlet water temperature 26°C, Outlet water temperature 28°C, Dry bulb temperature 26°C. Humidity 80%.

(**): working condition, Inlet water temperature 26°C, Outlet water temperature 28°C, Dry bulb temperature 15°C. Humidity 70%.



CÔNG TY CỔ PHẦN MIMICO
MIMICO JOINT STOCK COMPANY

TRỤ SỞ - HEAD OFFICE

Trụ sở chính: Tòa nhà SCETPA, 19A Cộng Hòa, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
Head office: SCETPA Building, 19A Cong Hoa, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84 28 6292 5250 | Fax: +84 28 6292 5250
Website: www.mimico.com.vn
Email: kinhdoanh@mimico.com.vn

CHI NHÁNH - BRANCH

Chi nhánh: Tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Branch: 169 Building Nguyen Ngoc Vu, Trung Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84 24 3232 2639
Nhà máy: KCN Bắc Phú Cát, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
Factory: IZ Bac Phu Cat, Thach Hoa commune, Thach That District, Hanoi City